CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đại Thiên Lộc

Ngày 31/03/2025	10,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**1.0%**	**-**

DT thuần
Q1/25
382
tỷ VNĐ
QoQ: ▼172| -31.1%
YoY: ▲ 12.0| 3.1%

LN thuần
Q1/25
-25.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.60| 23.4%
YoY: ▼1.20| -4.8%

LN sau thuế
Q1/25
-30.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.5| -3463%
YoY: ▼5.70| -22.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-3.7%
YoY: +/-▼ 6.9%

ROE (TTM)
Q1/25
0.1%
YoY: +/-▼ 0.7%

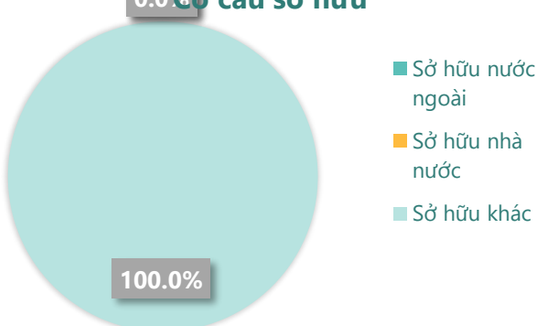
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,500 - 15,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	615
Số lượng CPLH (CP)	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	8
P/E	1250.3

DT thuần
2024
1,967
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00| -0.2%

LN thuần
2024
-112
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 30.3%

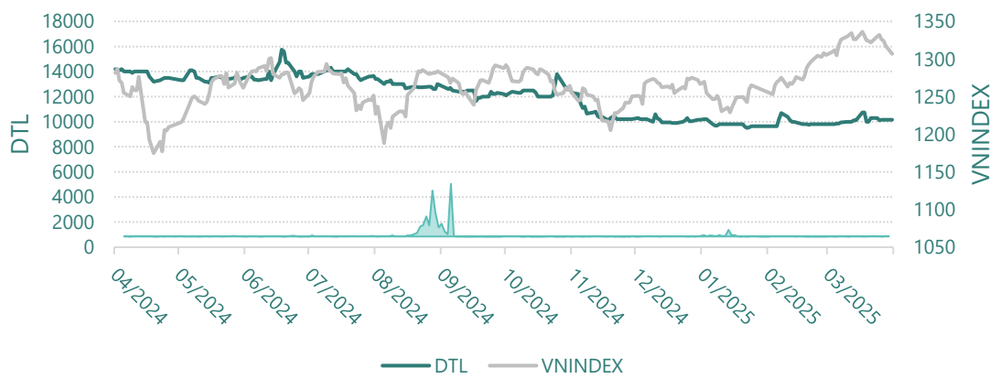
LN sau thuế
2024
4.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160| 103%

Cơ cấu sở hữu

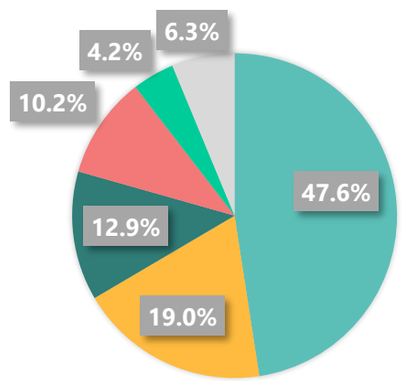


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

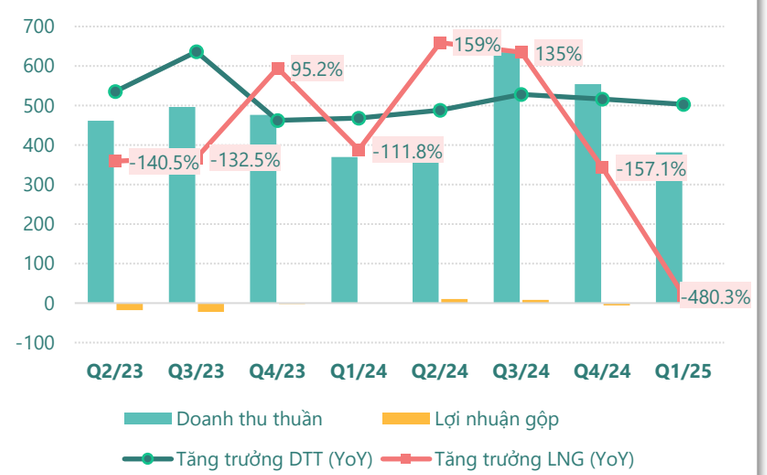


- Nguyễn Thanh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức
- Nguyễn Thị Bích Liên (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Loan
- Nguyễn Thanh Dung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

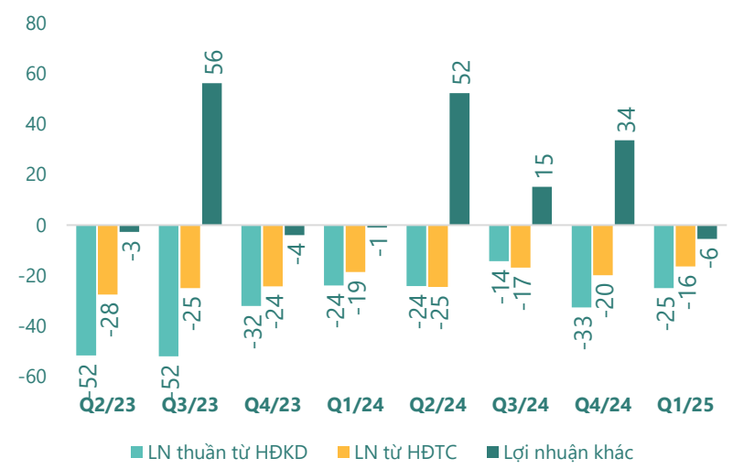
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



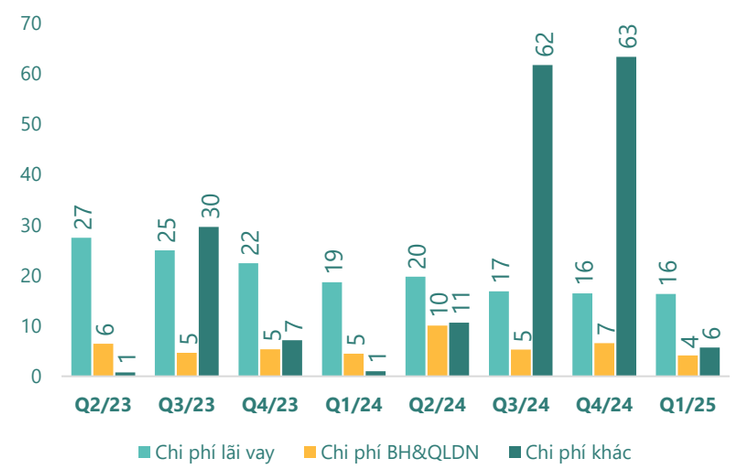
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



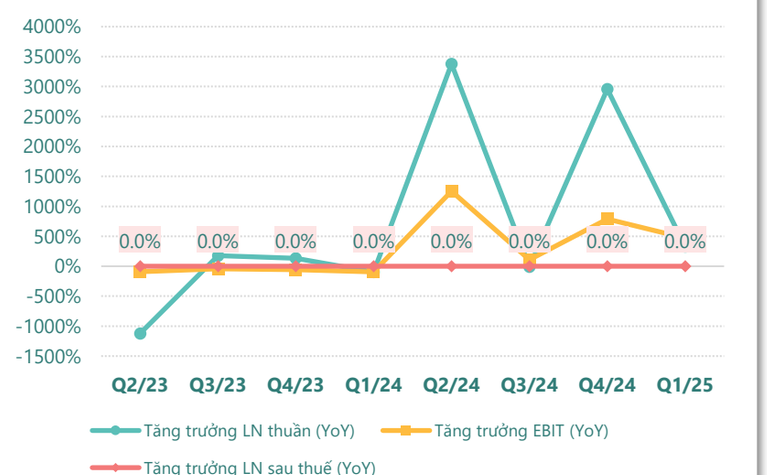
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



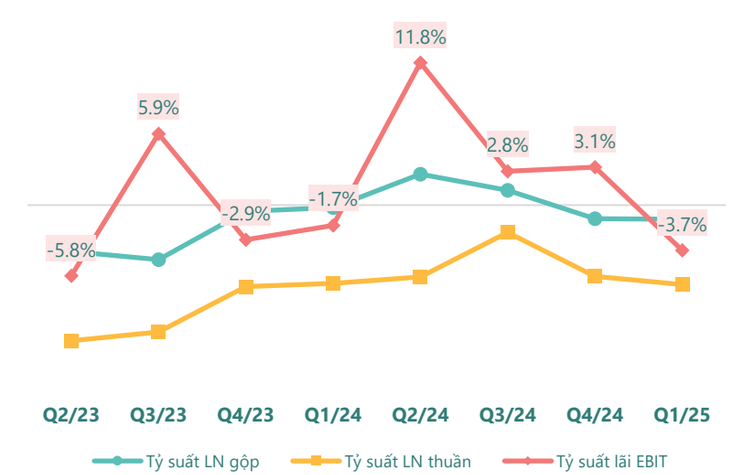
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



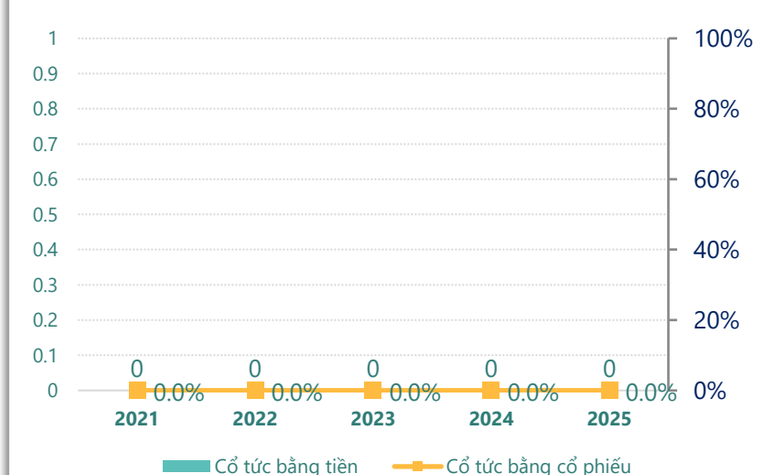
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

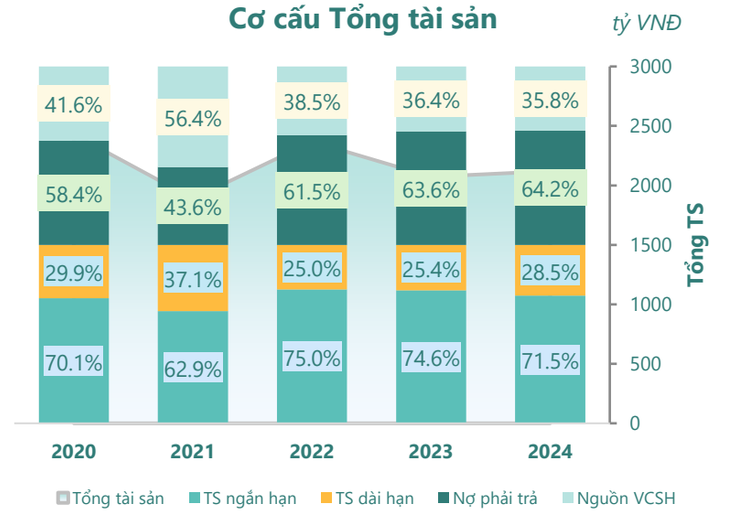
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

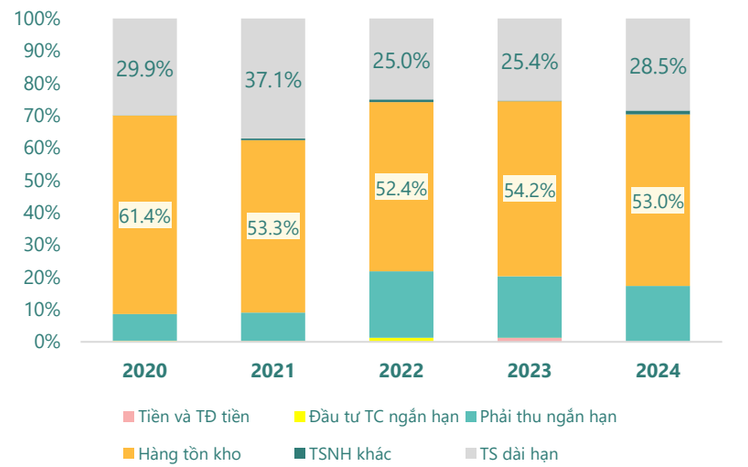
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



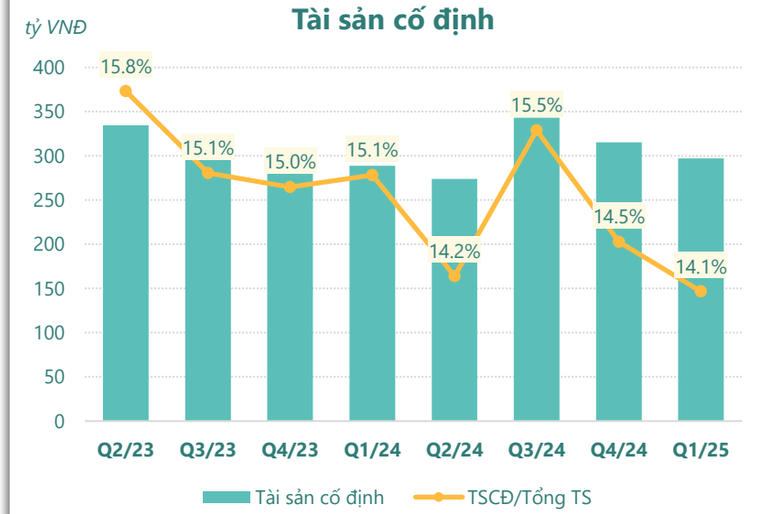
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



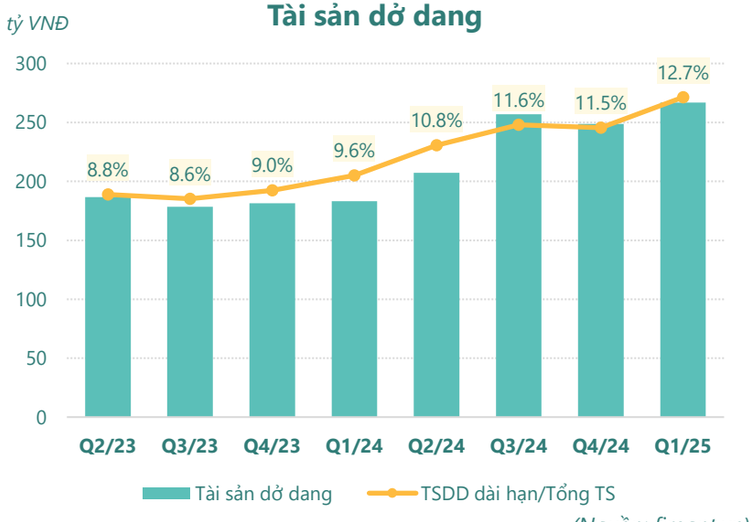
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



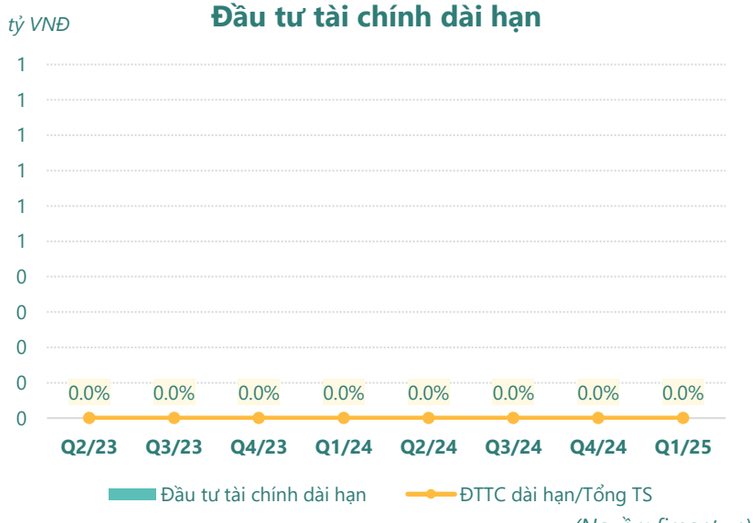
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



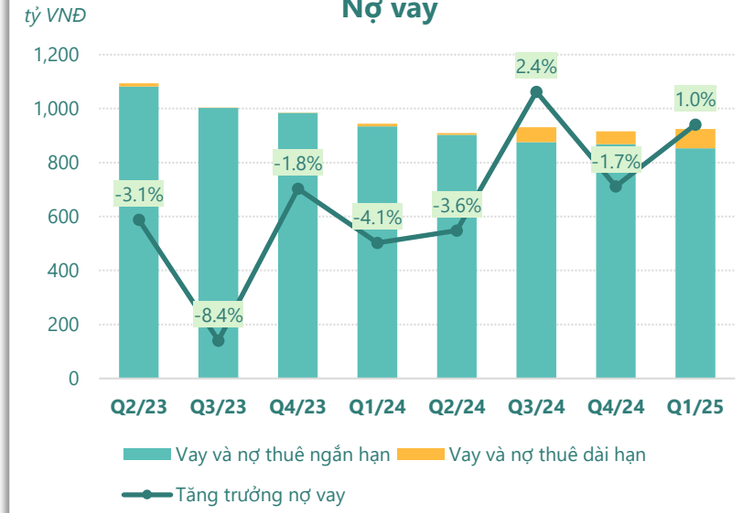
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

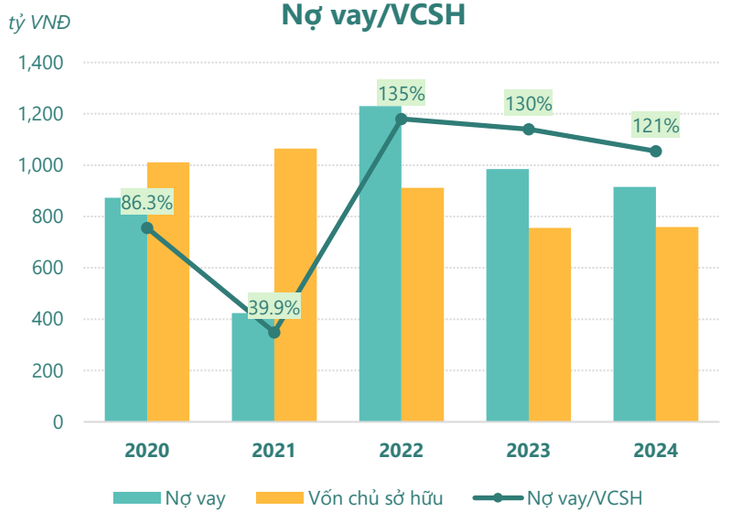
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

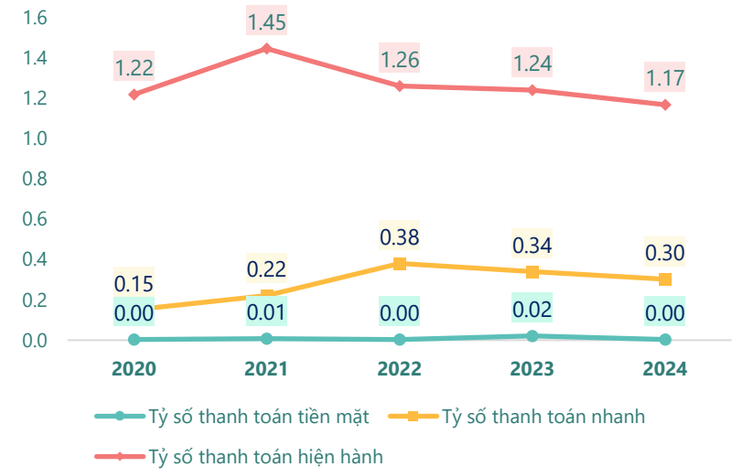
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



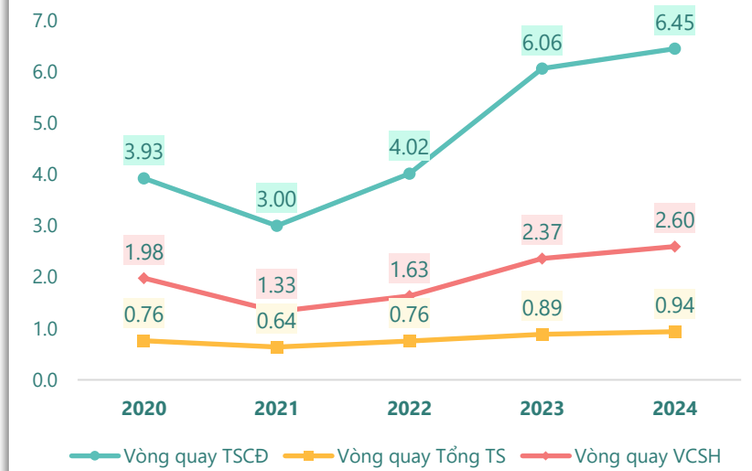
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



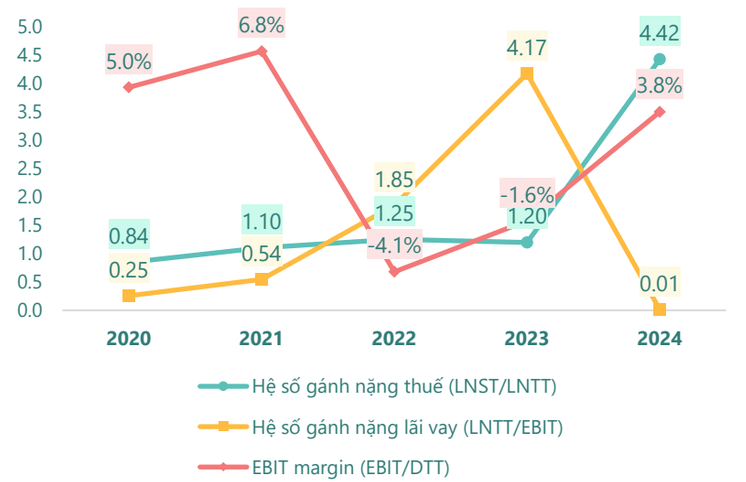
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



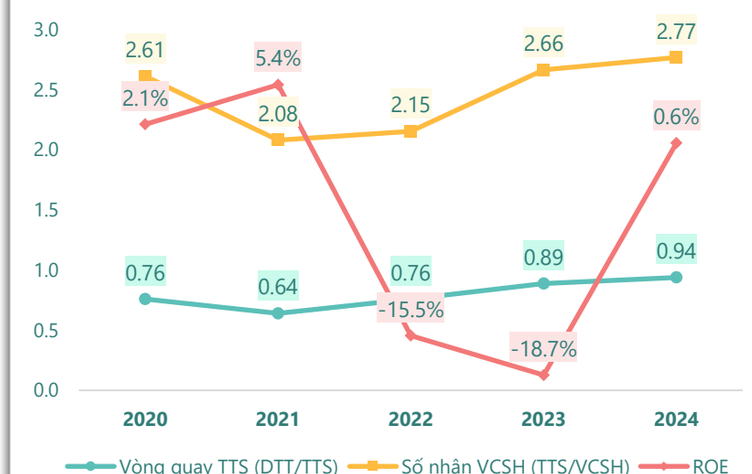
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



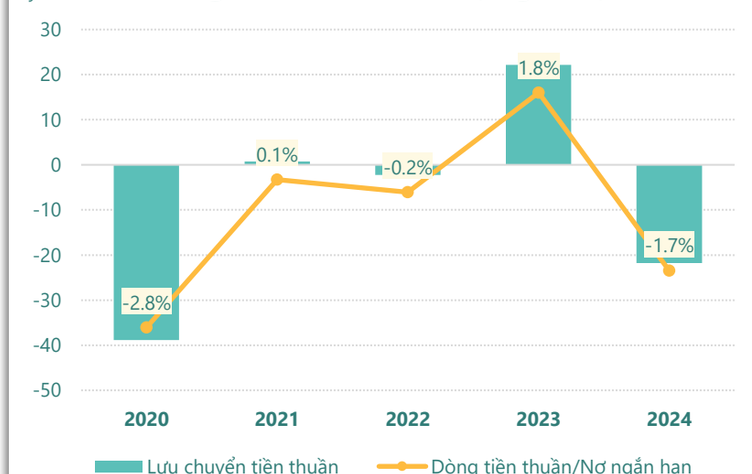
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**382**	**370**	**3.1%**	**1,967**	**1,972**	**-0.2%**
Giá vốn hàng bán	386	371	4.0%	1,972	2,007	-1.8%
Lợi nhuận gộp	-4.49	-0.77	-483%	-5.24	-35.7	85.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.49	2.28	-78.7%
Chi phí TC	16.5	18.7	-12.0%	79.0	102	-22.3%
Chi phí lãi vay	16.3	18.7	-12.7%	73.6	99.2	-25.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.44	0.51	-14.5%	3.42	5.89	-42.0%
Chi phí QLDN	**3.68**	**3.99**	**-7.7%**	**24.8**	**19.6**	**26.4%**
LN thuần từ HĐKD	-25.1	-23.9	-4.8%	-112	-161	30.3%
Lợi nhuận khác	**-5.54**	**-0.96**	**-477%**	**113**	**30.1**	**274%**
LN trước thuế	-30.6	-24.9	-22.9%	0.96	-130	101%
Lợi nhuận sau thuế	**-30.6**	**-24.9**	**-22.9%**	**4.25**	**-156**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-30.6**	**-24.9**	**-22.9%**	**4.25**	**-156**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.3	31.4	-22.6	103	-82.8	1.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.44	-0.54	42.1	-126	103	-8.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.6	-39.3	-35.4	25.9	-14.4	10.3
Tiền đầu kỳ	4.76	26.0	17.5	1.89	2.23	4.18
Lưu chuyển tiền thuần	**23.1**	**-8.46**	**-16.0**	**2.28**	**5.50**	**3.63**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.91	0	0.04	-1.65	-3.47	-0.13
Tiền cuối kỳ	25.9	17.5	1.89	2.23	4.26	7.67

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,106**	**2,120**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,501	1,516	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	7.67	4.51	70.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	379	363	4.4%
Hàng tồn kho	1,085	1,124	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	29.2	24.4	19.7%
Tài sản dài hạn	**606**	**604**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0	2.15	-100%
Tài sản cố định	297	306	-2.9%
Bất động sản đầu tư	5.92	9.58	-38.3%
Tài sản dở dang	267	249	7.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**36.1**	**37.4**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,377	1,360	1.3%
Nợ ngắn hạn	**1,251**	**1,299**	**-3.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	852	911	-6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	295	280	5.6%
Nợ dài hạn	127	61.6	106%
Vay và nợ thuê dài hạn	72.0	4.15	1637%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**729**	**759**	**-4.0%**
Vốn chủ sở hữu	**729**	**759**	**-4.0%**
Vốn điều lệ	614	614	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)